

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021; các Quyết định hoãn phiên tòa số 437/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 và 519/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Danh Thị Ngọc H; nơi đăng ký thường trú: Số 2/61 N, phường H, quận L, thành phố H; chỗ ở: Số 161/18 L, phường A, quận B, thành phố H;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy D; nơi cư trú: Số 2/61 N, phường H, quận L, thành phố H.

NỘI D V U ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là bà Danh Thị Ngọc H trình bày:

Bà Danh Thị Ngọc H và ông Nguyễn Duy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh B. Đến nay có hai con chung.

Sau một thời gian chung sống, hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cãi vã. Ông D nghiện ma túy, không chăm sóc cho gia đình, con cái, có hành vi bạo lực đối với bà H. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân, bà H chuyển vào sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh còn ông D vẫn sinh sống ở Hải Phòng, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 29/9/1994 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 15/9/1996. Các con đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Duy D có mặt và trình bày: Ông D và bà Danh Thị Ngọc H chung sống với nhau từ năm 1992, đến năm 1995 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh B. Quá trình chung sống, vợ chồng không nảy sinh mâu thuẫn gì lớn, việc bà H nói ông nghiện ma túy và đánh đập bà là không đúng. Ông D không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, trường hợp bà H cương quyết không rút đơn thì ông cũng buộc phải đồng ý.

Tại biên bản làm việc với đại diện gia đình ông D và biên bản xác minh tại nơi cư trú cho thấy đến nay hai bên đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Bà H đã chuyển vào sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng; bị đơn chấp hành không đầy đủ các quy định về tố tụng.

Về nội D vụ án: Bà Danh Thị Ngọc H và ông Nguyễn Duy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban dân xã C, huyện T, tỉnh B nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống. Từ năm 2014 đến nay hai bên đã sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà H và ông D ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà H và ông D có hai con chung là Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 29/9/1994 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 15/9/1996. Các con đã thành niên nên không xét.

Về tài sản chung: Bà H và ông D không có tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự và xác minh của Tòa án thể hiện: Ông Nguyễn Duy D, sinh năm 1969; có nơi ở tại: Số 2/61 N, phường H, quận L, thành phố H. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn bà Danh Thị Ngọc H và bị đơn là ông Nguyễn Duy D thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Duy D vắng mặt lần thứ 3 dù đã được triệu tập hợp lệ; bà Danh Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự.

Về nội D:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Danh Thị Ngọc H và ông Nguyễn Duy D kết hôn tự nguyện từ năm 1995 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã C, huyện T, tỉnh B nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2014 đến nay hai bên đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Quá trình giải quyết, bà H giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông D. Ông D có quan điểm không muốn ly hôn, tuy nhiên nếu bà H cương quyết không rút đơn thì ông buộc phải đồng ý. Qua xác minh tại gia đình, nơi cư trú của bà H và ông D cho thấy hai bên đã sống ly thân, quan hệ vợ chồng trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy bà H yêu cầu được ly hôn ông D là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Bà H và ông D có hai con chung là Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 29/9/1994 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 15/9/1996. Các con đều đã thành niên nên không xét.

[6] Về tài sản chung: Bà H và ông D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Danh Thị Ngọc H được ly hôn ông Nguyễn Duy D.

- Về án phí: Bà Danh Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014264 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
 - Các đương sự;
 - Chi cục THADS Q.Lê Chân;
 - UBND xã C, h.T, tỉnh B
- (GCNKH số 1/95 ngày 27/12/1995);
Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Linh